

ĐÀO TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TINH HOA VIỆT NAM 30 NĂM ĐỔI MỚI THÀNH TỰU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

GS, TS NGUYỄN VĂN KHÁNH
TS NGUYỄN CẨM NGỌC

Đại học Quốc gia Hà Nội

Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 đến nay đã và đang tạo nên vóc dáng đáng tự hào của nước Việt Nam với nền kinh tế ngày càng tăng trưởng, xã hội ngày càng dân chủ, tốt đẹp, đời sống tinh thần ngày càng phong phú. Làm nên diện mạo mới này là công sức của toàn Đảng, toàn dân, trong đó có vai trò đặc biệt quan trọng của những nhà trí thức ưu tú được xem là tinh hoa của đội ngũ trí thức dân tộc.

1. Thành tựu đào tạo và sử dụng trí thức tinh hoa Việt Nam thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến nay)

Về đào tạo, trí thức tinh hoa có thể đào tạo bằng cả con đường tự học lẫn đào tạo ở các nhà trường. Bên cạnh tài năng và sự rèn luyện nghiêm túc của bản thân, nền giáo dục khoa học, chuẩn mực, hiện đại và tiên bộ chính là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho sự phát triển vượt trội lên của một số ít người, đưa họ trở thành những trí thức tinh hoa thực sự. Giới trí thức tinh hoa nước ta nhìn chung đều là những người được học hành bài bản trong môi trường đào tạo uy tín cả trong và ngoài nước, hầu hết có trình độ đại học và trên đại học.

Trong thời kỳ đổi mới, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong việc xác định giáo dục và đào tạo là "quốc sách hàng đầu" là điều kiện "tiên quyết" cho sự phát triển của tầng lớp trí thức tinh hoa. Nếu như vào thời phong kiến, trí thức Việt Nam chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực khoa học

xã hội-nhân văn thì từ thời thuộc địa đến nay, nhất là trong những thập kỷ gần đây, tầng lớp trí thức đã được bổ sung thêm một bộ phận đông đảo từ lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ... Trên nền tảng chung đó, một lớp trí thức tinh hoa mới đã được hình thành và không ngừng lớn mạnh. Trên thực tế, việc đào tạo trí thức tinh hoa trong 30 năm đổi mới vừa qua đã được thực hiện có hệ thống, bài bản trải qua các bậc học từ phổ thông đến đại học và sau đại học, với những phương cách khác nhau, cụ thể như sau:

Một là, phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh năng khiếu ở bậc học phổ thông

Bồi dưỡng học sinh năng khiếu là bước đầu tiên trong quá trình đào tạo đội ngũ trí thức tinh hoa, đòi hỏi phải được thực hiện từ rất sớm, nhất là trong một số lĩnh vực đặc thù, cần có tố chất, năng khiếu bẩm sinh vượt trội được thể hiện ngay từ khi còn nhỏ như toán học, vật lý, hội họa, thể thao, âm nhạc... Ý thức được điều này,

ngay từ giữa thập niên 60 của thế kỷ XX, các nhà khoa học đứng đầu ngành giáo dục nước ta đã cho mở các trường chuyên cấp II, III để kịp thời phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh năng khiếu trong các ngành khoa học và nghệ thuật.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Việt Nam đã xây dựng thành công mạng lưới đồng đảo các trường phổ thông chuyên tại khắp các tỉnh thành, do các nhà giáo có chuyên môn cao trực tiếp tham gia giảng dạy. Có thể điểm qua tên tuổi của các ngôi trường giàu thành tích trong đào tạo học sinh năng khiếu trên cả nước như Khối Trung học phổ thông (THPT) chuyên Trường Đại học Tổng hợp (nay là Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội); Trường THPT Chuyên, Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường THPT Chu Văn An, Hà Nội; Trường THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam, Hà Nội; Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, Thành phố Hồ Chí Minh; Trường THPT chuyên Lam Sơn, Thanh Hóa; Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, Đà Nẵng... Trong đó, khối THPT chuyên Toán-Tin (thường gọi tắt là Khối A0) nay thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội là ngôi trường giàu thành tích nhất, đạt đến đẳng cấp quốc tế, nhận được nhiều danh hiệu cao quý và trở thành một điển hình xuất sắc của hệ thống giáo dục phổ thông ở Việt Nam. Dưới sự hướng dẫn của các nhà sư phạm toán học hàng đầu của nước ta, nhiều thế hệ học trò chuyên toán đã đạt được các giải thưởng cao tại các kỳ thi ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các giải thưởng tại kỳ thi Olympic Toán Quốc tế (International Mathematical Olympiad-IMO)-kỳ thi danh giá nhất dành cho học sinh toán toàn thế giới. Tới nay, hơn 400 học sinh cũ của Khối đã trở thành tiến sĩ và tiến sĩ khoa học. Nhiều người

đã trở thành giáo sư, nhà khoa học nổi tiếng quốc tế như Ngô Bảo Châu, Đàm Thanh Sơn!... Có thể nói, các trường THPT chuyên chính là nơi ươm trồng, nuôi dưỡng và bước đầu đào tạo các tài năng trẻ cũng như nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc đổi mới của Việt Nam.

Hai là, đào tạo tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng cao ở bậc đại học và sau đại học

Trong bất kỳ một nền văn hóa nào, các trường đại học đều được xem là chiếc nôi sinh ra những nhà khoa học hàng đầu trong lực lượng nghiên cứu cũng như trong việc tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Về nguyên tắc, để tạo nên những tài năng khoa học trẻ xuất sắc, những người sẽ làm chủ nền khoa học và công nghệ của đất nước trong tương lai, việc đào tạo phải được thực hiện ở các trung tâm nghiên cứu, đào tạo lớn, nơi tập trung đồng đảo các nhà khoa học có năng lực nhất của chuyên ngành với các điều kiện làm việc tương đương chuẩn mực quốc tế, có quan hệ hợp tác rộng rãi với các cơ quan nghiên cứu, các đồng nghiệp trong và ngoài nước. Tuy nhiên, ở Việt Nam mới chỉ có một số ít các trường đại học, viện nghiên cứu lớn và một số mô hình đào tạo đặc biệt đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe này và trở thành những hạt nhân ở tuyến đầu trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc một số chuyên ngành khoa học quan trọng như y học, toán học, vật lý, v.v. Tại đây, các trí thức khoa học làm công tác giáo dục ở trình độ chuyên gia đã hết lòng truyền đạt tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm và lòng say mê nghề nghiệp, say mê khám phá khoa học cho các học trò và đồng nghiệp trẻ của mình. Họ có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi đắp nên thế hệ những nhà khoa học kế cận trong lực lượng nghiên cứu cũng như tạo ra đội ngũ trí thức tinh hoa mới vô cùng cần thiết cho đất nước. Có thể điểm ra ba trung tâm đào tạo tiêu biểu như sau:

Trong lĩnh vực y học, Trường Đại học Y Hà Nội được xem là cơ sở đào tạo uy tín nhất nước ta về y học với bề dày lịch sử hơn một thế kỷ. Ngay từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trường đã đào tạo được nhiều thầy thuốc ưu tú đạt trình độ quốc tế như các giáo sư Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Đỗ Xuân Hợp, Đặng Văn Ngữ, Phạm Ngọc Thạch, Trần Hữu Tước... Thông qua đào tạo ở trường Đại học Y và hoạt động thực hành tại các bệnh viện, được sự dìu dắt của các giáo sư hàng đầu, trong mấy thập kỷ qua, một đội ngũ thầy thuốc giỏi và nhà y học ưu tú đã được tạo dựng cho ngành y tế Việt Nam.

Trong lĩnh vực khoa học xã hội, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) cũng được xem là một trung tâm đào tạo tri thức hàng đầu của lĩnh vực này. Khi đất nước chuyển sang thời kỳ mới, nhà trường đã có những bước chuyển mình nhanh chóng và sâu rộng để đóng vai trò tiên phong trong sự nghiệp đổi mới giáo dục đại học trên các lĩnh vực mũi nhọn như: lịch sử, văn học, triết học, ngôn ngữ học, quan hệ quốc tế, báo chí - truyền thông... Tại đây, các giáo sư đầu ngành như Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Phan Cự Đệ, Nguyễn Tài Căn, Hà Minh Đức, Phan Hữu Dật... đã hết lòng truyền thụ tri thức và vun trồng nhân cách cho nhiều thế hệ học trò, có công lao to lớn trong việc đào tạo nên nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học xã hội và nhân văn cả ở bậc đại học và sau đại học². Họ đã cống hiến không nhỏ vào việc tạo nên một lớp tri thức mới vừa "hồng" vừa "chuyên" cho đất nước, trong đó, nhiều người đã trở thành những nhà lãnh đạo, quản lý xuất sắc, những nhà khoa học và chuyên gia giỏi được xã hội kính trọng và tôn vinh.

Trong một lĩnh vực quan trọng khác của khoa học là toán học, Viện Toán học được xem là cơ

sở đào tạo tài năng toán học tiêu biểu ở bậc sau đại học của nước ta. Đây là một viện hàng đầu của Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam, được Viện Hàn lâm khoa học Thế giới thứ ba công nhận là một trong 10 trung tâm xuất sắc thuộc các nước đang phát triển. Hiếm có cơ sở nghiên cứu khoa học nào ở nước ta có một đội ngũ hùng hậu các nhà khoa học trình độ cao như Viện Toán học với nhiều nhà toán học nổi tiếng, trong đó có những người đã được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới thứ ba... Hoạt động đào tạo sau đại học của Viện Toán học đã được bắt đầu từ rất sớm với chương trình đào tạo tiến sĩ từ năm 1980 và thạc sĩ từ năm 1996. Không chỉ là một cơ sở nghiên cứu hàng đầu, Viện Toán học còn là cơ sở đào tạo chất lượng cao về toán, nơi sản sinh ra nhiều thế hệ nhân tài cho nền khoa học Việt Nam, đưa Việt Nam sớm hội nhập quốc tế về toán học.

Bên cạnh đó, nhiều trí thức nước ta đã được gởi đi đào tạo tại các quốc gia phát triển trên thế giới như Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật... Bộ phận này, tuy số lượng không thật đông đảo nhưng lại đặc biệt có chất lượng và hiện diện trên nhiều lĩnh vực của lao động, sáng tạo, có cống hiến lớn lao cho xã hội trong suốt những thập kỷ vừa qua.

Như vậy, sứ mệnh đào tạo nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao của nền giáo dục Việt Nam thời kỳ đổi mới đã gặt hái được nhiều thành tựu nhờ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự đóng góp của những trí thức hàng đầu có tâm với sự nghiệp trồng người. Bằng nhiều hoạt động đa dạng trong đào tạo, giáo dục Việt Nam thời kỳ này đã góp phần không nhỏ vào việc khuyến khích sự học-chia khóa của phát triển và hưng thịnh quốc gia; đồng thời, tạo dựng nên một thế hệ những tài năng mới sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Về sử dụng, dân tộc Việt Nam là một dân tộc có truyền thống tôn trọng trí thức, quý trọng hiền tài. Qua các thời kỳ lịch sử, trí thức tinh hoa thường được Nhà nước và cộng đồng tin cậy, trao cho những vị thế xã hội cao tương ứng với tài năng, trí tuệ và nhân cách của họ; đồng thời, tạo mọi điều kiện để trí thức tinh hoa phát huy tốt năng lực, đưa họ trở thành lực lượng đóng vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Đến thời kỳ hiện đại, khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy một cách xuất sắc truyền thống quý trọng trí thức, hiền tài của ông cha, và trở thành nhà lãnh đạo đi đầu trong việc tìm kiếm và tin dùng trí thức tinh hoa của dân tộc, bắt kể họ xuất thân từ thành phần giai cấp nào.

Bước sang thời kỳ đổi mới, trí thức tinh hoa càng được Đảng, Nhà nước và xã hội tin tưởng và trọng dụng. Nghị quyết của Đảng qua các kỳ Đại hội đều nhất quán thể hiện tư tưởng trọng dụng và đãi ngộ đối với lực lượng này. Nghị quyết Đại hội VI (1986) của Đảng khẳng định: “Đối với trí thức, điều quan trọng nhất là đảm bảo quyền tự do sáng tạo. Đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho năng lực được sử dụng đúng và phát triển”¹³. Nghị quyết Đại hội VIII (1996) của Đảng xác định: “Ưu đãi nhân tài có cống hiến quan trọng” và “phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng xứng đáng các tài năng”¹⁴. Nghị quyết Đại hội XI (2011) của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến... Có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội”¹⁵. Đại hội XII (2016) của Đảng khẳng định: “Xây

dụng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài”¹⁶.

Đây là một chủ trương đúng đắn bởi vì đổi mới với các mục tiêu phát triển toàn diện và sâu rộng về kinh tế, văn hóa, khoa học và giáo dục... nhằm đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại và giàu mạnh, dân chủ và thịnh vượng là một sự nghiệp lớn lao chưa từng có tiền lệ ở Việt Nam, mở ra nhiều triển vọng nhưng cũng chứa đựng không ít rủi ro, thách thức. Sự nghiệp ấy đòi hỏi có sự tham gia mạnh mẽ của giới trí thức tinh hoa, thúc đẩy giới trí thức tinh hoa thực hiện vai trò chuyên môn và trách nhiệm xã hội của mình. Đảng và Nhà nước đã trao cho trí thức tinh hoa nhiều trọng trách và những điều kiện thuận lợi đi kèm để họ có thể cống hiến tối đa tài năng, sức lực cho đất nước. Qua khảo sát cho thấy, phần lớn trí thức tinh hoa là người nắm các cương vị quản lý, lãnh đạo ở nhiều cấp độ như bộ trưởng, thứ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị khoa học, văn hóa hay phụ trách các lĩnh vực hẹp của chuyên ngành. Trên thực tế, những thành tựu trong việc sử dụng trí thức tinh hoa thời kỳ đổi mới biểu hiện tập trung trên các lĩnh vực chủ yếu sau đây:

Tham gia hoạch định và đánh giá chính sách:

Trong giai đoạn đầu đổi mới, các trí thức tinh hoa bao gồm những chuyên gia giỏi ở nhiều lĩnh vực khác nhau tập hợp trong các think tank (nhóm tư vấn chính sách cấp cao) chính là lực lượng quan trọng mở đường cho đổi mới tư duy, đặc biệt là tư duy kinh tế ở Việt Nam. Có những think tank chính thức do lãnh đạo Đảng và Nhà nước trực tiếp chỉ đạo, điều hành nhưng cũng có những think tank không chính thức do các địa phương, các cá nhân tự tổ chức để tham mưu cho Đảng và Nhà nước. Một số think tank đáng chú ý là: Tiểu ban xây dựng Cương lĩnh và Tiểu ban xây dựng chiến lược; Ban Nghiên cứu của Thủ tướng

Chính phủ; Nhóm của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Oánh và Nhóm "Thư Sáu" ở Thành phố Hồ Chí Minh, v.v. Các think tank này đã hoạt động rất sôi nổi trong lĩnh vực tham vấn và được giới nghiên cứu thừa nhận là một nhân tố có vai trò tích cực giúp các nhà lãnh đạo hoạch định đường lối chính sách cho đổi mới, đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội trong những năm 1980 và từng bước hội nhập vào nền kinh tế quốc tế.

Bên cạnh đó, các trí thức tinh hoa làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, trong các tổ chức đoàn thể của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, nhất là những người trực tiếp giữ các trọng trách chủ chốt trong lãnh đạo, quản lý ở các bộ, ban, ngành còn là lực lượng tham gia có hiệu quả vào chu trình chính sách và hoạt động phân biện xã hội. Họ không

Trí thức tinh hoa là bộ phận cốt lõi của tầng lớp trí thức, bao gồm những trí thức có tài năng nhất, xứng đáng được coi là người đại diện chân chính cho trí tuệ, phẩm cách và lương tri của dân tộc. Sự nghiệp đổi mới đã làm xuất hiện ở Việt Nam một tầng lớp trí thức tinh hoa có khả năng làm chủ các trí thức hiện đại và đặc biệt là có ý thức tự tôn dân tộc sâu sắc. Trong ba thập kỷ đổi mới vừa qua, những nhà trí thức này đã đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy quá trình đổi mới ở Việt Nam.

chỉ cung cấp các luận cứ khoa học và đề xuất ý tưởng cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước mà còn là người thực thi chính sách; đồng thời, tham gia phân biện để hình thành nên những chính sách tối ưu, góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới ngày càng phát triển và đạt được những thành tựu to lớn.

Thúc đẩy sự phát triển của khoa học và giáo dục: Trong lĩnh vực khoa học, trí thức tinh hoa Việt Nam cả trong và ngoài nước đã có những bước tiến rất dài trong việc đảm đương vai trò khoa học-công nghệ của mình. Họ đã có những công hiến quan trọng đối với việc xây dựng và

phát triển các ngành khoa học cả trong và ngoài nước, đặc biệt là toán học với thành tựu xuất sắc của nhà toán học Ngô Bảo Châu. Đồng thời, thực hiện nhiều nỗ lực đổi mới sáng tạo độc đáo liên quan đến khoa học và công nghệ. Họ đã đạt được những thành tựu hết sức nổi bật trong việc phân minh, sáng tạo, làm chủ và triển khai ứng dụng nhiều thành tựu công nghệ mới vào phục vụ

phát triển kinh tế-xã hội mà các công trình như: thoát lũ ra biển Tây của giáo sư Nguyễn Sinh Huy, khai thác dầu khí trong đá móng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ghép tạng của giáo sư Lê Thế Trung... là những điển hình. Những thành tựu có tính chất đột phá cả trong nghiên cứu cơ bản và ứng dụng của trí thức tinh hoa Việt Nam thời kỳ này đã góp phần quan trọng vào việc khám phá các trí thức mới cũng như nâng cao

tiềm năng tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế và giải quyết các vấn đề mà thực tiễn sản xuất và đời sống đặt ra.

Trong lĩnh vực giáo dục, trí thức tinh hoa trong vai trò kép là những nhà khoa học và những người thầy chính là hạt nhân trực tiếp triển khai hoạt động bồi dưỡng nhân tài. Trên bình diện quốc gia, việc thực hiện thành công nhiệm vụ này có ý nghĩa quyết định trong việc cung cấp một nguồn nhân lực dồi dào với chất lượng cao, đặc biệt là những tài năng sáng tạo trẻ cho xã hội; đồng thời, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và giảm bớt tình trạng chậm phát triển, đói nghèo cho đất nước.

Sáng tạo và truyền bá văn hóa và nghệ thuật:

Các trí thức văn nghệ sĩ tài danh thời kỳ đổi mới, đặc biệt là các nhà hoạt động âm nhạc và các nhà văn hóa lớn như Trần Văn Khê, Nguyễn Vinh Bảo, Nguyễn Khắc Viện, Hữu Ngọc là những người đóng vai trò quan trọng bậc nhất trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa truyền thống của dân tộc; đồng thời, lan tỏa những giá trị văn hóa của Việt Nam đến với bạn bè quốc tế. Trên địa hạt sáng tạo văn học nghệ thuật, các trí thức lớn như Lưu Quang Vũ, Trần Văn Thủy, Nguyễn Minh Châu, Bảo Ninh, Đặng Nhật Minh... đã rất thành công trong việc sáng tạo nên những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, đưa đến sự hình thành tư duy mới, hiện đại trong lĩnh vực này. Bằng tài năng, tâm huyết và kỳ công sáng tạo của mình, họ đã tạo nên những tác phẩm có nội dung và phong cách thể hiện khác với thời kỳ trước, góp phần tạo nên một giai đoạn mới với sự biến đổi về chất trong văn học và nghệ thuật. Từ đó, đóng góp tiếng nói có giá trị vào quá trình dân chủ hóa xã hội và hiện thực hóa mục tiêu xây dựng thành công nền văn hóa mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta.

Những khái quát ban đầu về thành tựu của việc sử dụng trí thức tinh hoa trong thời kỳ đổi mới như trên cho phép chúng ta một lần nữa khẳng định rằng, mặc dù chỉ chiếm một số lượng nhỏ trong toàn bộ đội ngũ trí thức đông đảo ở nước ta nhưng trí thức tinh hoa có một vai trò đặc biệt quan trọng. Sự hiện diện và đóng góp của họ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là trong hoạt động tư vấn chính sách, phát triển giáo dục-đào tạo, khoa học-công nghệ, văn hóa-nghệ thuật... là điều kiện tiên quyết và cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của các lĩnh vực đời sống, trí tuệ, tinh thần, qua đó thúc đẩy sự phát triển của toàn xã hội.

2. Những vấn đề đặt ra

Mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng kể song việc đào tạo và sử dụng trí thức tinh hoa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới vừa qua vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề nan giải cần tháo gỡ để đội ngũ này có điều kiện tiếp tục phát triển và cống hiến nhiều hơn nữa, được thể hiện trên mấy điểm chính như sau:

Một là, sự thiếu hụt đội ngũ trí thức đầu ngành

Trí thức tinh hoa là nguồn lực then chốt quyết định thành công của các hoạt động liên quan tới giáo dục, khoa học và nghệ thuật. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam đang đứng trước thực trạng rất đáng quan ngại là sự thiếu hụt cả về số lượng và chất lượng của đội ngũ các nhà trí thức này, nhất là bộ phận trí thức khoa học và công nghệ. Đúng như NQTƯ 7 khóa X (2008) nhận định: "Trí thức tinh hoa và hiền tài còn ít, chuyên gia đầu ngành còn thiếu nghiêm trọng, đội ngũ kỹ thuật viên, chưa có nhiều tập thể khoa học mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế"¹⁰. Đến nay, sự thiếu hụt này vẫn là một trong những trở lực làm chậm tiến trình phát triển của Việt Nam.

Quả thật, số lượng các trí thức tinh hoa có trình độ cao tại Việt Nam là quá ít để có được những đóng góp đáng kể hơn cho đất nước. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, tình trạng thiếu hụt các nhà khoa học, các tổng công trình sư có trình độ cao và năng lực chủ trì các nhiệm vụ nghiên cứu quan trọng ở quy mô quốc gia và quốc tế của Việt Nam là nghiêm trọng. Tình trạng hụt hẫng về thể hệ đội ngũ giảng viên và nhà khoa học trình độ cao trong các trường đại học, các viện nghiên cứu tiếp tục gia tăng; số cán bộ khoa học-công nghệ đủ năng lực chủ trì những công trình lớn ngày càng giảm sút; các trường đại học trong những năm gần đây không tuyển được học sinh giỏi vào học các ngành khoa học cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và

khoa học xã hội-nhân văn. Cùng với tình trạng chày máu chất xám, Việt Nam cũng chưa sử dụng và phát huy được trí tuệ của lực lượng trí thức, chuyên gia Việt kiều ở nước ngoài. Một bộ phận không nhỏ các nhà khoa học trình độ cao không trực tiếp làm nghiên cứu mà đảm đương các vị trí quản lý. Nhiều cán bộ khoa học công nghệ không cập nhật được các thành tựu mới của thế giới và một số khác thiếu tâm huyết xây dựng nền khoa học Việt Nam. Tinh thần hợp tác và kỹ năng làm việc nhóm trong các nhà khoa học còn chưa cao nên khó hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh liên ngành; thiếu sự hợp tác giữa các nhà khoa học đứng đầu các nhóm nghiên cứu và các viện, trường⁹. Chưa kể, đa số các nhà khoa học này không nhận được hỗ trợ cần thiết về điều kiện làm việc cũng như các khoản trợ cấp tương xứng với tài năng và cống hiến chuyên môn của họ.

Với một lực lượng khoa học còn đang rất mỏng và có khoảng cách khá lớn về năng lực so với các nước giàu, nếu không có các giải pháp kịp thời để tái tạo lại đội ngũ này, Việt Nam sẽ phải đối mặt với nguy cơ khủng hoảng nhân tài nghiêm trọng trong tương lai.

Hai là, sự bất cập trong đầu tư, phân bổ kinh phí cho phát triển khoa học và giáo dục

Bất cập này đã được Đảng và Nhà nước xác nhận trong các văn bản chính thức được ban hành. NQTU 6 khoá XI (2012) về phát triển khoa học công nghệ khẳng định: "Đầu tư nguồn lực cho khoa học và công nghệ chưa tương xứng"¹⁰; NQTU 8 khoá XI (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng đánh giá: "Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả"; "Nguồn lực quốc gia và khả năng của phần đông gia đình đầu tư cho giáo dục còn thấp so với yêu cầu"¹¹.

Thống kê về chi ngân sách cho nghiên cứu khoa học cho thấy Việt Nam rõ ràng còn kém xa

so với một số nước trong khu vực. Đầu tư cho khoa học công nghệ ở Việt Nam trong năm 2006 là 428 triệu USD, chiếm 0,17% GDP; năm 2012 tăng lên 653 triệu USD (13.000 tỷ VND), chiếm khoảng 0,27% GDP. Tỷ lệ này của Thái Lan là 1,79 tỷ USD, chiếm 0,3% GDP; Malaysia là 1,54 tỷ USD, chiếm 0,5% GDP. Điều đáng quan tâm là Bộ Khoa học và Công nghệ không nắm được tình hình phân bổ cũng như hiệu quả sử dụng của khoản kinh phí đó. Các bộ, ngành, địa phương nhận trực tiếp kinh phí từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gần như không báo cáo gì với Bộ Khoa học và Công nghệ¹².

Đối với ngân sách cho giáo dục, lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư là giáo dục đại học thiếu kinh phí một cách trầm trọng. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới năm 2010, đầu tư cho giáo dục đại học của Việt Nam chiếm 14% đầu tư của ngân sách nhà nước cho giáo dục. So với GDP thì tỷ lệ đầu tư công cho giáo dục đại học là 0,9%. Trong khi đó mức trung bình đầu tư công cho giáo dục đại học của các nước có nền giáo dục tiên tiến thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) là 1% GDP (cộng với 0,5% từ khu vực tư nhân); châu Âu là 1,1% GDP (cộng với 0,2% từ khu vực tư nhân); Mỹ là 2% GDP (1% từ Nhà nước). Tính theo số tuyệt đối (khoảng 5-6 triệu đồng/sinh viên/năm tại phần lớn các chương trình đào tạo), đầu tư cho giáo dục đại học ở Việt Nam thấp hơn rất nhiều vì GDP Việt Nam còn thấp¹³.

Căn cứ vào số liệu trên, mức đầu tư và khả năng phân bổ kinh phí của Nhà nước cho sự phát triển của cả khoa học và giáo dục ở Việt Nam rõ ràng không thể tạo ra được những thành tựu và kết quả như mong đợi, thậm chí còn gây ra những hệ quả tiêu cực. Trên thực tế, đầu tư thấp khiến các tri thức không có được đồng lương xứng đáng và áp lực kiếm thêm thu nhập ngoài lương để trang trải cuộc sống làm họ không thể

toàn tâm, toàn ý vào công tác chuyên môn; phân bổ kinh phí dàn trải theo chủ nghĩa bình quân khiến giáo dục đại học và các ngành khoa học trọng điểm không đạt được quy mô tối ưu, do đó, không có được sự phát triển tương đương kỳ vọng. Trong một chừng mực nào đó, có thể nhận định rằng trong thời gian qua, Việt Nam đã thất bại trong việc đầu tư đủ các nguồn lực dài hạn cho việc nâng cao tiềm lực khoa học và giáo dục của quốc gia. Do vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi năng suất khoa học công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam luôn được xếp vào hàng kém nhất trong khu vực Đông Nam Á. Sẽ là không công bằng nếu đòi hỏi các nhà tri thức tinh hoa phải tạo ra những thành tựu nghiên cứu lớn hơn và công hiến nhiều hơn trong khi xã hội không đáp ứng đủ các điều kiện cần thiết cho cuộc sống và công việc của họ.

Ba là, sự chậm trễ trong quyết sách và hành động của các cơ quan quản lý và sử dụng tri thức

Trước bộn bề các vấn đề nảy sinh cần được quan tâm giải quyết trong đời mới, Chính phủ và xã hội nói chung đã không nhận thức thấu đáo về sự cần thiết phải xây dựng và sử dụng đội ngũ tri thức tinh hoa cũng như vai trò của các lĩnh vực giáo dục, khoa học và văn hóa đối với sự phát triển bền vững và dài hạn của dân tộc. Bởi vậy, họ vẫn còn lúng túng và dửng dưng như không thực sự nỗ lực để xây dựng đội ngũ tri thức và phát triển các lĩnh vực này. Kể từ năm 1957, sau văn kiện “Chính sách của Đảng Lao động Việt Nam đối với tri thức” đến trước năm 2008, tức là trước HNTƯ 7 khóa X (2008), không có chính sách nào về tri thức¹⁴. Trước đó, Nghị quyết về văn hóa (1998) đã đặt ra nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa mới với nhiều tính chất¹⁵; Đại hội X (2006) của Đảng cũng đã xác định “giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu”¹⁶. Đại hội

XII của Đảng nêu rõ: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn”¹⁷. Tuy nhiên, căn cứ vào thực trạng yếu kém nói chung của các lĩnh vực trên trong giai đoạn hiện nay, có thể thấy các cơ quan quản lý và lãnh đạo có thẩm quyền đã không quan tâm đúng mức và triển khai một cách hiệu quả các chủ trương, chính sách này, gây nên những bức xúc không nhỏ trong giới trí thức và xã hội.

Giáo sư Chu Hào cho rằng chính “sự thiếu quyết tâm chính trị của lãnh đạo, từ cấp cao nhất cho đến cơ sở trong việc thực thi chủ trương do chính mình đề ra” đã khiến khoa học và giáo dục bị xem thường một cách bất cần như trong thời kỳ vừa qua¹⁸. Còn giáo sư Hoàng Tụy thì cho rằng trong nhiều nguyên nhân dẫn đến giáo dục sa sút, khủng hoảng triền miên, “phải thừa nhận nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân của mọi nguyên nhân, đó là lãnh đạo, quản lý...”¹⁹. Báo cáo mới nhất của Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (11-2014) cũng chỉ ra rằng, một trong các nguyên nhân khiến khoa học công nghệ Việt Nam yếu và kém chính là do “thiếu các cam kết, sự phối hợp và thực hiện chính sách của Chính phủ một cách hiệu quả”²⁰. Như vậy, về cơ bản, Chính phủ phải quyết liệt hơn trong việc giải quyết các vấn đề tồn tại trong hoạt động quản lý, điều hành nhằm tháo gỡ các rào cản về cơ chế, chính sách đang bằng cách này hay cách khác hạn chế năng lực đổi mới và sáng tạo của nguồn nhân lực, nhất là của lực lượng tri thức đầu ngành.

Ngoài các hạn chế, yếu kém cơ bản kể trên, việc đào tạo và sử dụng tri thức tinh hoa thời kỳ

đổi mới còn đối mặt với những thách thức không kém phần nghiêm trọng khác là: mất cân đối giữa quy mô và chất lượng của hệ thống giáo dục và đào tạo; tách biệt giữa nghiên cứu và giảng dạy; xa rời các chuẩn mực quốc tế trong nghiên cứu khoa học; thiếu sức hút trong môi trường làm việc; yếu kém trong sử dụng nhân tài và thiếu dân chủ trong nhiều khâu, hoạt động...

3. Một vài khuyến nghị nhằm tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức tinh hoa

Việc xác định các vấn đề yếu kém còn tồn tại như trên là cơ sở để có thể đưa ra các khuyến nghị về giải pháp nhằm xây dựng và phát huy vai trò của trí thức tinh hoa trong giai đoạn tiếp theo của thời kỳ đổi mới ở Việt Nam. Theo đó, hệ giải pháp mà chúng tôi khuyến nghị bao gồm:

Một là, thống nhất và tạo chuyển biến nhận thức của toàn xã hội về phát huy vai trò của trí thức tinh hoa

Nhận thức đúng là cơ sở để có hành động đúng nhằm đạt được mục tiêu mong đợi. Bởi vậy, thống nhất và đổi mới về nhận thức được coi là giải pháp tiên phong trong hệ giải pháp nhằm phát huy vai trò của trí thức tinh hoa ở Việt Nam. Cần thống nhất và làm chuyển biến nhận thức của toàn xã hội, từ cấp lãnh đạo cao nhất cho đến mọi người dân về vấn đề này. Trong đó, nhận thức đúng đắn của lãnh đạo Đảng và Nhà nước cũng như cán bộ quản lý các bộ, ban, ngành là nhân tố có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Chúng tôi cho rằng giới trí thức tinh hoa Việt Nam có trở thành một lực lượng lớn mạnh, có được sử dụng hiệu quả và phát huy được vai trò của mình hay không phụ thuộc rất lớn vào nhận thức của những người quyết định và thực thi chính sách trên ba phương diện chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò "đầu tàu" của trí thức tinh hoa và sự cần thiết phải có các giải pháp để xây dựng đội ngũ này lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; đồng thời, phát huy tốt vai trò của họ. Mặc dù trong suốt thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có những quan điểm đúng đắn và nhất quán về vị trí, vai trò của tầng lớp trí thức nói chung song cho đến nay, Việt Nam vẫn "chưa có chiến lược tổng thể về đội ngũ trí thức"¹ nói chung và đổi mới trí thức tinh hoa nói riêng mà mới chỉ dừng lại ở các văn bản nghị quyết của Đảng. Điều này lý giải tại sao cho đến nay, trí thức tinh hoa và nhân tài vẫn chỉ là một thiểu số, chưa thật sự trở thành lực lượng đầu tàu đưa giáo dục, khoa học, văn hóa của nước ta tiến lên ngang tầm khu vực và thế giới. Do đó, rất cần có một chiến lược cụ thể để thực hiện mục tiêu xây dựng thành công đội ngũ trí thức tinh hoa với tư cách là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển của tầng lớp trí thức nói chung, làm cho đội ngũ này có khả năng đóng một vai trò "think tank", "đầu tàu" thật sự đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước.

Thứ hai, con đường để đạt đến mục tiêu đó là không bằng phẳng và dễ dàng. Để có thể tạo dựng nên một đội ngũ trí thức tinh hoa lớn mạnh trên nền tảng thực tế còn nhiều yếu kém và bất cập như hiện nay, Việt Nam sẽ phải trải qua một chặng đường dài với nhiều khó khăn, phức tạp cần tháo gỡ trên từng chặng nhỏ để đi tới đích. Nhận thức này cho phép các nhà lãnh đạo và quản lý tránh được tâm lý chủ quan, nóng vội và có được sự chuẩn bị tốt nhất cho việc ban hành những chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình.

Thứ ba, cần nhận thức được tầm quan trọng của hành động và các bước đi cụ thể trong việc đề xuất và thực thi chính sách. Nói cách khác, phải nhanh chóng biến lời nói thành hành động, cần nhanh chóng bắt tay ngay vào xây dựng và

thực thi các kế hoạch hành động bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể. Rõ ràng, không phải bản thân chính sách mà chính là hành động mới là khâu mấu chốt để đạt được mục tiêu phát triển giới trí thức tinh hoa lớn mạnh. Chừng nào các nhà lãnh đạo và quản lý vẫn chưa sẵn sàng hiện thực hóa các mục tiêu thành các kế hoạch cụ thể thì chính sách sẽ chỉ nằm trên giấy cùng với các ý tưởng xa vời. Chi thông qua hành động, các bất cập, hạn chế cũng như ưu điểm của chính sách mới bộc lộ ra; trên cơ sở đó, mới có thể kịp thời điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả của chính sách để có thể phát huy đến mức cao nhất sức mạnh và vai trò của đội ngũ trí thức tinh hoa trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Hai là, tập trung xây dựng trường đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế

Việt Nam đang phát triển trong nền kinh tế tri thức-nền kinh tế mà tri thức trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế và tạo ra sự thịnh vượng của quốc gia. Trong nền kinh tế này, trường đại học với chức năng cơ bản là nơi sáng tạo tri thức và đào tạo nhân tài có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Các quốc gia có tốc độ phát triển nhanh nhất ở khu vực châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore... đều nhận thức rất rõ vai trò trung tâm của hệ thống đại học đối với sự phát triển của mình và lần lượt sở hữu các trường đại học nghiên cứu có chất lượng cao, tương đương với mặt bằng chung của các nền giáo dục hàng đầu thế giới hiện nay.

Trong khi đó, Việt Nam dường như rất chậm trễ trong việc thực hiện vấn đề này với một thực trạng còn nhiều bất cập. Hệ thống giáo dục đại học đã phát triển từ lâu song đến thời điểm này, nước ta vẫn chưa có một trường đại học nghiên cứu (research oriented university) ngang tầm khu vực và quốc tế, có khả năng đảm đương vai trò là

“máy cái” sản sinh ra những nhà trí thức tinh hoa, nhà lãnh đạo, quản lý tài ba và các doanh nhân xuất sắc cho đất nước. Như nhận định của giáo sư Đàm Thanh Sơn thì “trên lãnh thổ Việt Nam hiện chưa có một trường đại học đủ trình độ để trang bị cho sinh viên của mình những kiến thức và kỹ năng thiết yếu, và dù uy tín đề giới thiệu họ theo học trên đại học ở các trường tốt nhất trên thế giới”²². Tình trạng này kéo dài đã khiến cho Việt Nam chưa thể có được nền khoa học và giáo dục tương xứng với tiềm năng và đặc biệt là chưa có được nguồn nhân lực tri thức thật sự đáp ứng được yêu cầu của nền khoa học công nghệ và kinh tế mới.

Do đó, cùng với việc cải cách toàn diện nền giáo dục, Việt Nam cần xác định lại vai trò của trường đại học một cách hết sức cơ bản và tập trung nỗ lực xây dựng ít nhất từ một đến hai trường đại học nghiên cứu có khả năng cạnh tranh về thứ hạng với các trường đại học hàng đầu trong khu vực và trên thế giới. Trường đại học này với tư cách là trung tâm nghiên cứu và đào tạo hàng đầu sẽ trở thành vườn ươm sản sinh nhân tài và nuôi dưỡng những thế hệ trí thức tinh hoa mới có sứ mệnh đảm bảo sự phát triển bền vững cho đất nước.

Ba là, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với các trí thức tinh hoa

Đãi ngộ thỏa đáng theo tài năng và cống hiến là điều kiện cần để nuôi dưỡng và phát huy tài năng của các nhà trí thức tinh hoa. Đáng tiếc là cho đến nay, những bất cập trong chính sách đãi ngộ trí thức nhân tài (bao gồm lương và các điều kiện làm việc...) vẫn đang tồn tại và trở thành một lực cản đối với sự phát triển của tầng lớp trí thức nói chung, bộ phận trí thức tinh hoa ưu tú của dân tộc. Trong đó, chế độ tiền lương chính là vấn đề cơ bản nhất, nan giải nhất. Nói về các rào cản, trong một chương trình đối thoại về giáo